

Tăng tỷ trọng

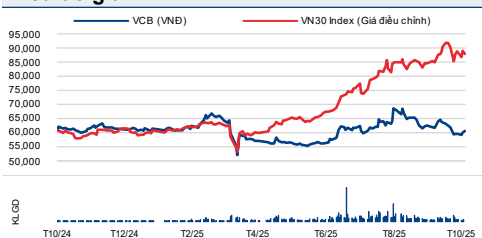
Giá mục tiêu: VNĐ70,200

Tiềm năng tăng/giảm: 15.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	60,600
Mã Bloomberg	VCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	52,122-68,602
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	60,125
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	506,355
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	19,232
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,356
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,507
Slg CP NN được mua (tr.đv)	684
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.8%
Tỷ lệ freefloat	6.64%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (74.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,085	2,405	2,800
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,449	1,683	1,987
Tổng thu nhập HD (ntđ)	68.6	73.7	91.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	33.8	36.0	44.0
BVPS (đồng)	23,799	29,887	34,435
EPS (đồng)	4,049	4,175	4,944
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	14.1	16.1	18.1
T.trưởng thu nhập HD (%)	1.26	7.52	23.6
Tăng trưởng EPS (%)	2.42	3.11	18.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	18.6	15.5	15.4
ROAA (%)	1.72	1.60	1.69
Tỷ lệ NIM (%)	2.86	2.67	2.92
Tỷ lệ CIR (%)	33.6	33.9	31.1
Hệ số CAR (%)	12.2	13.6	13.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.96	0.96	0.90
LLR/nợ xấu (%)	223	204	189
Hệ số LDR (%)	95.7	99.0	97.0
P/B (lần)	2.55	2.03	1.76
P/E (lần)	15.0	14.5	12.3
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam xét trên quy mô tài sản và dư nợ. VCB là ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn, quản trị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản hàng đầu.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 5%, sát với dự báo

- VCB đã công bố LNTT Q3 đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5%, sát với dự báo của chúng tôi, nâng tổng LNTT 9 tháng đầu năm 2025 lên 33,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5%, hoàn thành 74% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Động lực tăng trưởng bao gồm: Tín dụng tăng trưởng 12,4% kể từ đầu năm, lãi tự doanh tăng 204% so với mức nền thấp cùng kỳ và thu nhập khác tăng 68% so với cùng kỳ.
- Tỷ lệ NIM giảm nhẹ 6 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,58% do chi phí huy động tăng lên, trong khi thu nhập phí hồi phục nhẹ so với quý trước (tăng 9%) nhưng vẫn giảm 26% so với cùng kỳ. Chất lượng tài sản vẫn vững chắc với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR là 202%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 3% trong 1 tháng qua, VCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,83 lần, thấp hơn 1,7 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3 vào ngày 30/10/2025

VCB đã công bố LNTT Q3/2025 đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi. Theo đó, LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 33,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, hoàn thành 74% dự báo cả năm của chúng tôi. Động lực tăng trưởng trong quý bao gồm: tín dụng tăng trưởng khoảng 12,4% so với đầu năm (tăng 16% so với cùng kỳ), cùng với lãi tự doanh tăng mạnh 204% so với mức nền thấp cùng kỳ và thu nhập khác tăng 68% so với cùng kỳ.

Tín dụng tăng trưởng 12,4% kể từ đầu năm, huy động chỉ tăng trưởng 6,3%

Tổng dư nợ tín dụng tăng 12,4% so với đầu năm tính đến cuối Q3/2025, thấp hơn bình quân ngành ở mức 13,4%. Tuy nhiên, theo BLĐ, nếu bao gồm cả danh mục cho vay được chuyển sang VCB Neo (một ngân hàng "0 đồng", Chưa niêm yết), tín dụng sẽ tăng trưởng nhanh hơn bình quân ngành.

Trong phân khúc bán lẻ, tín dụng khách hàng cá nhân tăng 15% so với đầu năm, chủ yếu nhờ cho vay mua nhà tăng 16% so với đầu năm, trong khi cho vay kinh doanh hộ gia đình vẫn tương đối yếu. Ở phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tín dụng khách hàng doanh nghiệp lớn tăng trưởng mạnh hơn so với DNNVV.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, VCB

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	13,578	14,657	8.0%	41,563	42,505	2.3%	71.6%
Thu nhập ngoài lãi	3,258	3,395	4.2%	9,305	10,680	14.8%	74.4%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,272	938	-26.2%	4,213	2,605	-38.2%	81.0%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,347	1,280	-5.0%	3,706	4,939	33.3%	68.8%
Lãi tự doanh	35	106	204.0%	58	144	146.6%	171.5%
Thu nhập khác	555	932	68.0%	1,087	2,748	152.8%	76.9%
Thu nhập từ mua cổ phần	49	139	181.1%	241	245	1.8%	80.9%
Tổng thu nhập HD	16,836	18,052	7.2%	50,868	53,185	4.6%	72.1%
Chi phí HD	(5,811)	(6,037)	3.9%	(15,987)	(17,715)	10.8%	-70.9%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	11,025	12,015	9.0%	34,881	35,470	1.7%	72.8%
Chi phí dự phòng	(326)	(776)	138.2%	(3,347)	(2,338)	-30.2%	-62.6%
LNTT	10,699	11,239	5.0%	31,533	33,133	5.1%	73.6%
Lợi nhuận thuần	8,567	9,021	5.3%	25,266	26,549	5.1%	73.7%

Nguồn: VCB, HSC

Vốn huy động (tiền gửi & giấy tờ có giá) chỉ tăng 6,4% so với đầu năm. Hệ số LDR điều chỉnh (tổng dư nợ tín dụng/nguồn vốn huy động) đã tăng lên mức cao kỷ lục 100% từ 98% trong Q2/2025 và 96% trong Q4/2024.

Tiền gửi KBNN tăng 60 nghìn tỷ đồng so với quý trước và tăng 80 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm lên 157 nghìn tỷ đồng tính đến cuối Q3/2025, tương đương 7,4% tổng nợ phải trả lãi (từ 5% trong Q2/2025 và 4% trong Q4/2024). Điều này cho thấy sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn của Chính phủ nhằm duy trì mặt bằng lãi suất thấp.

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ do chi phí huy động tăng lên

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ 6 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,58% trước sức ép từ chi phí huy động, trong khi lợi suất gộp gần như đi ngang. Kể từ đầu năm, tỷ lệ NIM giảm 21 điểm cơ bản, chủ yếu rơi vào Q1/2025, sau đó duy trì ổn định hơn trong hai quý gần đây.

Chi phí huy động tăng 6 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 17 điểm cơ bản kể từ đầu năm, tăng ở tất cả các nguồn huy động - tiền gửi, nợ vay, giấy tờ có giá và các chi phí huy động khác.

Lợi suất tài sản giảm 5 điểm cơ bản kể từ đầu năm và đi ngang so với quý trước; tuy nhiên, lợi suất cho vay bình quân đã phục hồi 9 điểm cơ bản so với quý trước và 6 điểm cơ bản kể từ đầu năm lên khoảng 5,57% nhờ tỷ trọng cho vay trung và dài hạn tăng lên, hiện chiếm 38% tổng tín dụng khách hàng (tăng từ 34% trong Q4/2024 và 36% trong Q2/2025).

Thu nhập ngoài lãi tăng 4,2% so với cùng kỳ

Thu nhập ngoài lãi tăng 4,2% so với cùng kỳ chủ yếu nhờ lãi kinh doanh nguồn vốn tăng 204% so với mức nền thấp cùng kỳ và thu nhập khác tăng 68% so với cùng kỳ.

Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 26,2% so với cùng kỳ nhưng tăng 9% so với quý trước (vượt dự báo của chúng tôi), cho thấy một phục hồi nhẹ so với các quý trước.

Thu nhập từ thu hồi nợ xấu tăng 18% so với cùng kỳ trong Q3/2025 (tăng 34% trong so với cùng kỳ 9 tháng đầu năm), cùng với việc không còn khoản chi phí không thường xuyên trong năm ngoái, thu nhập khác tăng 68% so với cùng kỳ.

Chất lượng tài sản vẫn ổn định

Tỷ lệ nợ xấu ổn định so với quý trước và kể từ đầu năm ở mức 1%. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành vượt kỳ vọng của chúng tôi với tỷ lệ trượt 12 tháng gần nhất ở mức 0,29%, thấp hơn bình quân 5 năm là 0,56%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng ổn định ở mức 0,27%.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm nhẹ xuống 202% từ 214% trong Q2/2025 và 223% tại thời điểm cuối năm 2024 do Ngân hàng đã sử dụng dự phòng dư thừa để giảm chi phí trích lập dự phòng. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn ở mức cao và cao hơn đáng kể so với bình quân ngành.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt

Chi phí hoạt động chỉ tăng 4% so với cùng kỳ trong Q3/2025, thấp hơn tăng trưởng doanh thu (7,2%). Hệ số CIR duy trì ở mức khoảng 33% trong ba quý gần nhất, sát bình quân năm 2024.

Trên cơ sở 12 tháng gần nhất, tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng dư nợ tín dụng đã cải thiện, giảm xuống mức khoảng 1,6%, mức thấp kỷ lục của VCB, phản ánh các biện pháp kiểm soát chi phí hiệu quả. Số lượng nhân viên cũng giảm 0,7% so với cùng kỳ và giảm 2% so với đầu năm.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 3% trong 1 tháng qua, VCB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,83 lần, thấp hơn 1,7 độ lệch chuẩn so với bình quân

quá khứ ở mức 2,56% và chỉ cao hơn 28,4% so với bình quân nhóm NHTM, mức thặng dư thấp kỷ lục. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	108	93.7	106	133	162
Chi phí lãi	(54.5)	(38.2)	(46.5)	(58.0)	(73.3)
Thu nhập lãi thuần	53.6	55.4	59.4	75.2	88.8
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.78	5.14	3.22	4.09	5.15
Lãi thuần HĐ KDNH	5.66	5.29	7.18	8.30	9.79
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.12	0.07	0.08	0.08	0.10
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.27	0.31	0.30	0.30	0.30
Thu nhập khác	2.27	2.37	3.57	3.18	3.16
Tổng thu nhập HĐ	67.7	68.6	73.7	91.1	107
Chi phí HĐ	(21.9)	(23.0)	(25.0)	(28.3)	(32.4)
LN trước dự phòng	45.8	45.6	48.8	62.8	74.9
Chi phí dự phòng	(4.56)	(3.31)	(3.73)	(7.77)	(10.6)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	41.2	42.2	45.0	55.0	64.3
Chi phí thuế TNDN	(8.19)	(8.38)	(8.98)	(11.0)	(12.9)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.03)
Lợi nhuận thuần	33.0	33.8	36.0	44.0	51.4
EPS (đồng)	3,953	4,049	4,175	4,944	5,776
DPS (đồng)	0	0	0	0	1,137
Slg CP bình quân (triệu đv)	8,356	8,356	8,627	8,899	8,899
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	14.5	14.3	15.5	18.7	22.6
Tiền gửi tại NHNN	58.1	49.3	43.2	52.0	62.6
Tiền gửi tại các TCTD khác	336	389	464	501	558
Chứng khoán kinh doanh	2.50	4.58	9.51	6.80	8.14
Các công cụ tài chính phái sinh	0	1.31	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,242	1,418	1,650	1,953	2,309
Tổng dư nợ cho vay	1,270	1,449	1,683	1,987	2,346
Dự phòng rủi ro	(28.7)	(31.2)	(32.9)	(33.9)	(37.6)
Chứng khoán đầu tư	146	167	181	221	264
CK đầu tư sẵn sàng để bán	67.9	86.8	143	171	205
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	78.0	80.8	38.2	50.2	60.0
Dự phòng rủi ro	(0.11)	(0.25)	(0.22)	(0.25)	(0.29)
Đầu tư dài hạn	2.22	2.23	2.31	2.31	2.31
Tài sản cố định	7.71	8.09	8.47	8.97	9.47
Tài sản khác	30.7	30.9	31.1	36.4	43.4
Tổng tài sản	1,840	2,085	2,405	2,800	3,279
Nợ phải trả	1,675	1,886	2,139	2,493	2,936
Tiền gửi của NHNN	1.67	78.2	104	50.4	0.94
Tiền gửi của các TCTD khác	214	235	271	319	377
Tổng tiền gửi KH	1,396	1,515	1,700	2,048	2,468
Trái phiếu và CCTG	19.9	24.1	25.9	31.2	37.6
Nợ khác	43.4	34.8	37.2	43.9	51.8
Vốn chủ sở hữu	165	199	266	306	344
Vốn điều lệ	55.9	55.9	89.0	89.0	89.0
Thặng dư vốn cổ phần	5.00	5.00	34.9	34.9	34.9
Lợi nhuận giữ lại	76.8	111	105	140	171
Quỹ & vốn khác của CSH	27.3	27.3	36.9	42.4	49.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.09	0.10	0.11	0.11	0.11
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,840	2,085	2,405	2,800	3,279
BVPS (đồng)	19,737	23,799	29,887	34,435	38,612

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	1.42	13.4	15.3	16.4	17.1
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.9	14.1	16.1	18.1	18.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.2	8.52	12.3	20.5	20.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.6	8.70	12.2	20.5	20.5
Tăng trưởng VCSH (%)	21.7	20.6	33.7	15.2	12.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.70	3.33	7.18	26.6	18.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.13	5.08	8.50	13.3	14.4
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(2.19)	(0.56)	7.03	28.8	19.2
Tăng trưởng LNTT (%)	10.4	2.41	6.59	22.2	16.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	10.5	2.42	6.46	22.1	16.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.71	3.49	3.28	3.50	3.53
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.20)	(1.17)	(1.11)	(1.09)	(1.07)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.8	98.9	98.9	98.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.88	2.82	3.00	3.57	4.04
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	51.4	52.3	55.4	66.7	76.7

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	15.3	15.0	14.5	12.3	10.5
P/B (lần)	3.07	2.55	2.03	1.76	1.57
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	1.88

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	49.3	48.8	48.3	47.9
ROAA (%)	1.81	1.72	1.60	1.69	1.69
ROAE (%)	22.0	18.6	15.5	15.4	15.8
Chi phí huy động BQ (%)	3.41	2.20	2.35	2.55	2.75
Lợi suất góp BQ (%)	6.04	4.83	4.77	5.17	5.40
Lợi suất thuần (%)	2.64	2.63	2.42	2.63	2.65
Tỷ lệ NIM (%)	3.00	2.86	2.67	2.92	2.96
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.53	7.49	4.36	4.49	4.80
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.2	80.8	80.5	82.5	82.8
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.3	11.7	15.1	13.0	12.4
Tỷ lệ CIR (%)	32.4	33.6	33.9	31.1	30.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	19.7

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.4	12.2	13.6	13.4	12.8
VCSH/Tổng TS (%)	8.96	9.54	11.1	10.9	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	11.2	10.5	9.04	9.14	9.54

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.98	0.96	0.96	0.90	0.90
Hệ số LLR (%)	230	223	204	189	178

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	91.0	95.7	99.0	97.0	95.1
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.1	13.2	13.6	13.3	13.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	69.1	69.5	70.0	71.0	71.6

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	643	647	650	660	670
Số lượng nhân viên	23,493	24,306	24,549	25,531	26,552

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn